

Số: /KH - SVHTTDL

Gia Lai, ngày tháng 6 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khoá XVI) về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

Thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khoá XVI) về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình hành động số 921/UBND-CTHĐ ngày 12/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành kế hoạch thực hiện chuyển đổi số ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

- Đổi mới công tác quản lý, điều hành của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiến tới chính quyền số; xây dựng đào tạo nguồn nhân lực đầy đủ đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số của tỉnh. Phổ cập, nâng cao kiến thức chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân, hỗ trợ doanh nghiệp thuộc Ngành quản lý chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 – 2025.

- Đầu tư đầy đủ, chất lượng cơ sở hạ tầng mạng, máy móc thiết bị đáp ứng nhu cầu xử lý công việc nhanh, hiệu quả; bảo đảm an toàn dữ liệu, an toàn thông tin, bảo mật thông tin trong hoạt động cơ quan; xây dựng môi trường chính sách đầy đủ nhằm đáp ứng điều kiện Chính quyền điện tử cấp tỉnh, góp phần xây dựng ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch hiện đại, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Mục tiêu đến năm 2025:

- Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động, đổi mới hoạt động quản lý, điều hành của Sở. Nâng cao năng lực hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp thuộc lĩnh vực Ngành quản lý.

- 80% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công

trực tuyến mức độ 4.

- 100% dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ.

- Tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.

- Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- Bảo đảm 100% hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận thụ lý được cập nhật, quản lý và tổ chức thực hiện trên hệ thống Một cửa điện tử của tỉnh.

- Tối thiểu 20% thủ tục hành chính được cắt giảm (về thời gian thực hiện hoặc thành phần hồ sơ) so với hiện nay.

- 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất.

- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật.

- 90% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

- Công tác báo cáo về kinh tế - xã hội được thực hiện hoàn toàn trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- 100% hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định (*trừ văn bản thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

- Các hệ thống thông tin của Sở được kết nối, liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển chính quyền số, để cung cấp dịch vụ công kịp thời.

- Kết nối liên thông qua nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu dùng chung (LGSP) của tỉnh, hình thành các cơ sở dữ liệu dùng chung cấp tỉnh.

- Triển khai hệ thống Hội nghị truyền hình.

- Số hóa các hoạt động quản lý và quảng bá về du lịch. Lĩnh vực di sản văn hóa được ứng dụng công nghệ số trong quản lý, hình thành các bản di sản số để khách du lịch có thể truy cập thuận lợi trên môi trường số. Chuyển đổi số trong lĩnh vực thư viện.

- Đẩy mạnh triển khai các nền tảng, ứng dụng, dịch vụ du lịch thông minh phục vụ thiết thực cho người dân, doanh nghiệp và công tác quản lý.

2.2. Mục tiêu đến năm 2030:

Đến năm 2030, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoàn thành các mục tiêu chuyển đổi số theo Quyết định số 749/QĐ-TTg và Nghị quyết số 04-NQ/TU và Chương trình hành động số 921/UBND-CTHĐ ngày 12/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU.

- 100% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ nhập dữ liệu một lần.

- Tối thiểu 95% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

- 100% các báo cáo được thực hiện hoàn toàn trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh công tác tuyên truyền; nâng cao nhận thức về chuyển đổi số:

- Tăng cường sự lãnh đạo, điều hành của người đứng đầu Sở và các đơn vị trực thuộc, sự tích cực tham gia của các đoàn thể chính trị xã hội và các tầng lớp Nhân dân trong hoạt động chuyển đổi số. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của Ngành.

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung của Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ Tư; Quyết định số 749/QĐ-TTg; các chiến lược phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số của Chính phủ; Chương trình số 03-CTr/TU, ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Tỉnh ủy về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khoá XVI) và các Chiến lược, chương trình của Chính phủ; Chương trình hành động số 921/UBND-CTHĐ ngày 12/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU.

- Chia sẻ, phổ biến câu chuyện thành công, tôn vinh gương thành công điển hình về chuyển đổi số bằng các hình thức như: Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số trên trang thông tin điện tử. Tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp cùng tham gia góp ý, giám sát và sử dụng các dịch vụ, tiện ích do chuyển đổi số mang lại.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ,

công chức, viên chức, người lao động, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị, tạo sự thống nhất, quyết tâm chính trị cao triển khai thực hiện chuyển đổi số.

- Tích cực phối hợp, phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền; thực hiện tốt chức năng giám sát, vận động Nhân dân tích cực hưởng ứng chương trình chuyển đổi số.

- Định kỳ sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, từ đó kịp thời tháo gỡ khó khăn trong triển khai, đưa ra các giải pháp phù hợp với thực tiễn để bảo đảm tính hiệu quả, hoàn thành các mục tiêu đã đề ra.

2. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển và tận dụng các nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số:

- Đảm bảo đội ngũ công chức, viên chức công nghệ thông tin ở Văn phòng Sở và các đơn vị trực thuộc để đảm bảo lực lượng nòng cốt tham mưu công tác quản lý và trực tiếp vận hành các hệ thống công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số của Ngành.

- Cử công chức, viên chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng về chuyên đổi số, phát triển chính quyền số cho lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước nhằm nâng cao chất lượng tham mưu, ra quyết định và thực hiện nhiệm vụ tốt hơn nhờ tận dụng công nghệ số và thông tin, dữ liệu được cung cấp đầy đủ.

- Tham gia các lớp đào tạo, tập huấn đội ngũ chuyên trách về công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước về chuyển đổi số cho Ngành; đội ngũ này tiếp tục đào tạo, tập huấn lại cho công chức, viên chức ở cơ quan, đơn vị mình và trở thành lực lượng nòng cốt để dẫn dắt, tổ chức và lan tỏa tiến trình chuyển đổi số trong tỉnh.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số cho công chức, viên chức và người lao động trong đơn vị; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin hiện có; tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho cán bộ công nghệ thông tin để trở thành các chuyên gia nòng cốt tham mưu về chuyển đổi số.

3. Xây dựng Chính quyền số:

3.1. Phát triển hạ tầng số:

- Bảo đảm 100% các điều kiện về kỹ thuật như mạng LAN, đường truyền Internet, máy vi tính...phục vụ cho các công việc được thực hiện thông suốt trên môi trường mạng, đồng thời hạ tầng đảm bảo an toàn thông tin; máy vi tính có cấu hình đáp ứng nhiệm vụ chuyên môn, được trang bị cho 100% công chức.

- Đảm bảo 100% văn bản đến và đi được xử lý trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành tại đơn vị; 100% văn bản được thực hiện chữ ký số cá nhân và tổ chức đúng theo quy định. Công chức, viên chức thực hiện việc trao đổi văn bản

điện tử trong nội bộ qua phần mềm quản lý văn bản và điều hành và trao đổi với các cơ quan khác qua hệ thống mail công vụ.

- 100% cán bộ công chức, viên chức sử dụng phần mềm mã nguồn mở và một số phần mềm chuyên ngành có bản quyền khác.

3.2. Phát triển dữ liệu:

- Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ Chính quyền số của Ngành, bảo đảm không trùng lặp, cập nhật, kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quy mô quốc gia theo yêu cầu; thực hiện chia sẻ, tích hợp dữ liệu chuyên ngành trong tỉnh và với các bộ, ngành; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật; hầu hết các dữ liệu chủ được lưu trữ dưới dạng máy có thể đọc được và chia sẻ dưới dạng dịch vụ giao diện lập trình ứng dụng (API).

- Phối hợp xây dựng, phát triển kho dữ liệu của công dân, tổ chức khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước; giúp công dân, tổ chức quản lý, lưu trữ dữ liệu điện tử của mình, cung cấp chia sẻ với các cơ quan nhà nước, hạn chế việc sử dụng văn bản giấy và cung cấp lặp lại thông tin cho các cơ quan nhà nước.

- Phối hợp xây dựng, phát triển nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp của tỉnh nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu về phát triển kinh tế - xã hội từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính quyền số, hướng tới việc hình thành kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

3.3. Phát triển ứng dụng, dịch vụ số:

- Tiếp tục duy trì và tuyên truyền đến người dân hệ thống dịch vụ công trực tuyến trên cổng thông tin dịch vụ công trực tuyến của tỉnh tại địa chỉ dichvucong.gialai.gov.vn và Trang thông tin điện tử của Sở.

- Hoàn thiện, nâng cao hiệu quả, chất lượng hệ thống cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến; phối hợp Sở thông tin và truyền thông xây dựng và đưa vào hoạt động các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được phê duyệt.

- 100% các hồ sơ thủ tục hành chính đã xây dựng dịch vụ công trực tuyến được tiếp nhận, xử lý hồ sơ trên môi trường mạng.

- Thực hiện cung cấp đầy đủ thông tin trên Trang thông tin điện tử của Sở theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử.

- Phát triển các dịch vụ du lịch thông minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế;

- Phát triển các ứng dụng, dịch vụ chuyên ngành phục vụ nội bộ và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin trong tỉnh và với các bộ, ngành theo nhu cầu.

- Ứng dụng mạnh mẽ, hiệu quả các công nghệ số mới, như: Điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big Data), tính di động (Mobility), Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), mạng xã hội... trong

xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Chính quyền số.

3.4. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng:

- Đầu tư, nâng cấp đồng bộ hệ thống mạng nội bộ đảm bảo việc kết nối thông suốt phục vụ các phần mềm dùng chung, trao đổi thông tin dữ liệu trong cơ quan.

- Nâng cấp phòng đặt máy chủ đáp ứng các yêu cầu về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

- Triển khai ứng dụng các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin: Xây dựng hoàn thiện các quy tắc cảnh báo truy nhập trái phép, tường lửa; cài đặt 100% các máy vi tính phần mềm diệt virus, mã độc hại cho hệ thống mạng, cho máy tính cá nhân; triển khai các giải pháp sao lưu dự phòng dữ liệu back up định kỳ Server vào 15h00 hàng ngày; backup dữ liệu kế toán định kỳ hàng tuần; Tuyên truyền nâng cao nhận thức về an toàn thông tin cho cán bộ đơn vị,...

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc.

- Tham gia vào các chiến dịch bảo đảm an toàn thông tin mạng do Bộ Thông tin và Truyền thông phát động.

4. Phát triển Kinh tế số:

Phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng, hình thành, phát triển các chuỗi giá trị nông sản, du lịch, tiểu thủ công nghiệp trực tuyến, đảm bảo kết nối cung cầu thông qua khai thác, sử dụng các nền tảng số

Thúc đẩy phát triển kinh tế số với trọng tâm là phát triển doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số; thúc đẩy chuyển đổi số trong các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và cả nền kinh tế.

5. Phát triển xã hội số:

- Chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số để phát triển xã hội số.

- Thường xuyên tổ chức đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số; phổ biến, tuyên truyền các quy tắc ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân.

6. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Du lịch:

- Triển khai, khai thác, sử dụng có hiệu quả cơ sở dữ liệu, công nghệ thông tin điện tử và ứng dụng du lịch thông minh, kết nối cơ sở dữ liệu chuyên ngành du lịch; phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh, ứng dụng công nghệ số kết hợp công nghệ 3D, 4D để giới thiệu về điểm đến, các tour tuyến du lịch, sản phẩm, dịch vụ du lịch gắn với nông, lâm nghiệp, cảnh quan thiên nhiên, cộng đồng và bản sắc văn hóa của các dân tộc trên địa bàn tỉnh và phát triển ứng dụng thuyết minh du lịch tự động qua thiết bị di động thông minh để kết nối nhằm hỗ trợ và tăng trải nghiệm

cho khách du lịch.

- Phối hợp quảng bá trên không gian mạng các sản phẩm văn hóa, lịch sử đặc trưng, xây dựng hình ảnh con người Gia Lai văn minh, thân thiện, mến khách.

7. Nguồn lực thực hiện chuyển đổi số:

- Huy động tổng thể các nguồn lực để thực hiện chuyển đổi số; lồng ghép nguồn lực thực hiện từ các chương trình, đề án có liên quan; huy động nguồn lực từ khu vực tư nhân thông qua các chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư, tài trợ cho thực hiện chuyển đổi số.

- Chủ động sử dụng nguồn kinh phí được bố trí giao dự toán hàng năm, bố trí tại các đề án, dự án, chương trình đã được phê duyệt, các nguồn kinh phí hợp pháp khác và huy động từ các nguồn xã hội hóa để tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

- Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để phục vụ các hoạt động hỗ trợ chuyển đổi nhận thức, kiến tạo thể chế, phát triển hạ tầng số, phát triển nền tảng số, tạo lập niềm tin, bảo đảm an toàn an ninh mạng, nghiên cứu phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số và chuyển đổi kỹ năng trong môi trường số.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Chủ động triển khai các nhiệm vụ, ứng dụng, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác chuyển đổi số. Căn cứ điều kiện thực tế, đề xuất các đề án, dự án, nhiệm vụ có tính khả thi cao, phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh, không trùng lặp với nội dung các đề án, dự án, chương trình đã được phê duyệt, trình các cơ quan chức năng có liên quan thẩm định, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện các nhiệm vụ; tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị khác trong việc thực hiện các dự án liên ngành, các dự án nền tảng, công nghệ dùng chung của tỉnh, đảm bảo tính đồng bộ, kết nối và chia sẻ dữ liệu.

1. Văn phòng:

Chủ trì phối hợp với các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc triển khai kế hoạch thực hiện chuyển đổi số ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Đôn đốc thực hiện, kiểm tra, về việc ứng dụng CNTT trong Văn phòng Sở. Trực tiếp tham mưu rà soát, cập nhật hoặc ban hành các quy định về an toàn thông tin, an ninh thông tin; hướng dẫn thực hiện các mô hình, tiêu chí, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng CNTT; cân đối ngân sách bố trí chi cho việc chuyển đổi số ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Thực hiện quản lý tài sản, trang thiết bị hạ tầng số. Tham mưu cử công chức, viên chức tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số.

Phối hợp với các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, đề xuất, dự toán, mua sắm bổ sung, nâng cấp trang thiết bị, thực hiện các dự án, chương trình, ứng dụng CNTT phục vụ công tác chuyển đổi số của Ngành.

2. Phòng Quản lý Du lịch

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, tham mưu triển khai, khai thác, sử dụng có hiệu quả cơ sở dữ liệu, công thông tin điện tử và ứng dụng du lịch thông minh, kết nối cơ sở dữ liệu chuyên ngành du lịch; phối hợp các phòng chuyên môn đơn vị tham mưu phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh, ứng dụng công nghệ số kết hợp công nghệ 3D, 4D để giới thiệu về điểm đến, các tour tuyến du lịch, sản phẩm, dịch vụ du lịch gắn với nông, lâm nghiệp, cảnh quan thiên nhiên, cộng đồng và bản sắc văn hóa của các dân tộc trên địa bàn tỉnh và phát triển ứng dụng thuyết minh du lịch tự động qua thiết bị di động thông minh để kết nối nhằm hỗ trợ và tăng trải nghiệm cho khách du lịch.

3. Phòng Quản lý Văn hóa

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, tham mưu thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực Thư viện theo Quyết định 206/QĐ-TTg ngày 11/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình chuyển đổi số ngành Thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý di sản, bảo tàng.

4. Phòng Quản lý Thể dục thể thao

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, tham mưu thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực thể thao.

3. Các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp:

Phối hợp triển khai tốt những nhiệm vụ liên quan đến nhiệm vụ chuyển đổi số của Ngành; phối hợp với Ban biên tập Trang thông tin điện tử cung cấp tin, bài; các ý kiến góp ý xây dựng trang thông tin điện tử kịp thời phản ảnh hoạt động của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Hàng năm, căn cứ nội dung nhiệm vụ của Kế hoạch này, chủ động phối hợp các đơn vị liên quan dự toán kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc phản ảnh kịp thời về Văn phòng Sở để sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Nhung

PHỤ LỤC 01:
PHÂN CÔNG THEO DÕI, ĐƠN ĐỐC THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU
BẢNG 1: MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2025

Số TT	Nội dung mục tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	Đơn vị chủ trì đơn đốc	Đơn vị phối hợp	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
I	Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động						
1	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động	%	80	Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông	Các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp	
2	Thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	%	100	Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông	Các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp	
3	Dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ	%	100	Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông	Các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp	
4	Người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương	%	100	Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông	Các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp	
5	Tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ	%	80	Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông	Các phòng chuyên môn,	

Số TT	Nội dung mục tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	Đơn vị chủ trì đơn đốc	Đơn vị phối hợp	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
	liệu một lần					đơn vị sự nghiệp	
6	Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính	%	90	Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ	Các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp	
7	Hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận thụ lý được cập nhật, quản lý và tổ chức thực hiện trên hệ thống Một cửa điện tử của tỉnh	%	100	Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông	Các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp	
8	Tối thiểu 20% thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước được cắt giảm (về thời gian thực hiện hoặc thành phần hồ sơ) so với hiện nay	%	20	Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông	Các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp	
9	Cơ quan nhà nước thuộc tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số	%	100	Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông	Các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp	
10	Tối thiểu 50% dịch vụ công mới của cơ quan nhà nước có sự tham gia cung cấp của doanh nghiệp hoặc tổ chức ngoài nhà nước	%	50	Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông	Các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp	
11	Cổng dịch vụ công của tỉnh hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khả năng tương tác thuận tiện, trực tuyến với cơ quan nhà nước trong các hoạt động		Thường xuyên	Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông	Các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp	

Số TT	Nội dung mục tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	Đơn vị chủ trì đơn đốc	Đơn vị phối hợp	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
	quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ dựa trên các nền tảng công nghệ số					ngành	
12	Cơ quan nhà nước có cung cấp dịch vụ công, sẵn sàng phục vụ trực tuyến bất cứ khi nào người dân và doanh nghiệp cần	%	100	Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông	Các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp	
13	Công chức được gắn định danh số trong xử lý công việc	%	100	Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông	Các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp	
14	Hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất	%	100	Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông	Các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp	
15	Văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật	%	100	Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông	Các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp	
16	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp tỉnh được xử lý trên môi trường mạng (<i>trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước</i>)	%	90	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành	
17	Công tác báo cáo về kinh tế - xã hội của cơ quan nhà nước được thực hiện hoàn toàn trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, quốc gia		Thường xuyên	Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông	Các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp	

Số TT	Nội dung mục tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	Đơn vị chủ trì đôn đốc	Đơn vị phối hợp	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
18	Hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định (<i>trừ văn bản thuộc phạm vi bí mật nhà nước</i>)	%	100	Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Nội vụ	Các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp	
19	Tối thiểu 70% nội dung chương trình đào tạo, thi tuyển, thi nâng ngạch quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính hoặc tương đương được thực hiện trực tuyến	%	70	Văn phòng	Sở Nội vụ	Các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp	
20	Cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản	%	100	Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Nội vụ	Các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp	
21	Cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số	%	50	Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Nội vụ	Các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp	
22	Các hệ thống thông tin của tỉnh được kết nối, liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển chính quyền số; bao gồm các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm, tư pháp... để cung cấp dịch vụ công kịp thời	%	100	Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông	Các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp	
23	Tối thiểu 70% các sở, ban, ngành có hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung trên phạm vi toàn tỉnh, kết nối liên thông qua nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ	%	70	Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông	Các phòng chuyên môn, đơn vị sự	

Số TT	Nội dung mục tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	Đơn vị chủ trì đơn đốc	Đơn vị phối hợp	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
	liệu dùng chung (LGSP) của tỉnh, hình thành các cơ sở dữ liệu dùng chung cấp tỉnh					ngành	
24	Duy trì mạng truyền số liệu chuyên dùng đến 100% ủy ban nhân dân cấp xã; triển khai hệ thống Hội nghị truyền hình đến 100% cấp huyện và cấp xã		Thường xuyên	Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông	Các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp	

BẢNG 2: MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

Số TT	Nội dung mục tiêu	Đơn vị tính	Năm 2030	Đơn vị chủ trì đơn đốc	Đơn vị phối hợp đơn đốc	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
1	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp tỉnh được xử lý trên môi trường mạng (<i>trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước</i>)	%	100	Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông	Các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp	
2	Thủ tục hành chính của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được cắt giảm (về thời gian thực hiện hoặc thành phần hồ sơ)	%	30	Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông	Các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp	
3	Người dân, doanh nghiệp được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ số, thông tin số thuộc lĩnh vực quản lý của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch	%	90	Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông	Các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp	

PHU LUC 02:
DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CHUYỂN ĐỔI SỐ
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

Số TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
A	NHIỆM VỤ CHUNG				
1	Tổ chức quán triệt, triển khai Nghị quyết số 04-NQ/TU của Tỉnh ủy	Văn phòng	Các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp	Hằng năm	
2	Xây dựng Chương trình/Kế hoạch Chuyển đổi số của ngành, địa phương triển khai Chương trình hành động này	Văn phòng	Các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp	Năm 2022	
3	Triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi sang sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ trên các nền tảng số	Văn phòng	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở TT&TT, Sở Công Thương, Sở NN&PTNT	2022-2025	
4	Khuyến khích thực hiện các đề tài nghiên cứu, sáng kiến kinh nghiệm về chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp.	Văn phòng	Các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp	2022-2025	
5	Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trên các lĩnh vực, nhất là các lĩnh vực ưu tiên thực hiện chuyển đổi số.	Văn phòng	Các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp	2022-2025	
6	Tạo điều kiện thuận lợi để người dân, doanh nghiệp tích	Văn phòng	Các phòng chuyên môn,	2022-2025	

Số TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	cực hưởng ứng, tham gia chuyển đổi số tại địa phương		đơn vị sự nghiệp		
7	Phát triển hạ tầng chính quyền số phục vụ cơ quan nhà nước trên cơ sở kết hợp mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng Internet, Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh, Trung tâm điều hành đô thị thông minh (IOC) để phục vụ kết nối liên thông, xuyên suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã, ưu tiên các sản phẩm, công nghệ bảo đảm an toàn thông tin mạng	Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2025	
8	Đẩy mạnh triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án số hoá, chuyển đổi số các quy trình nghiệp vụ của cơ quan nhà nước	Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh	2022-2025	
9	Đẩy nhanh tiến độ triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia trên địa bàn tỉnh, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Từng bước hình thành các hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu mở cấp tỉnh.	Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2025	
10	Ứng dụng công nghệ Phân tích dữ liệu lớn (Big Data Analytics), trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo/ thực tế tăng cường (VR/AR) để thực hiện chuyển đổi số trên các mặt công tác chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước và cung cấp trải nghiệm tốt nhất, thân thiện nhất cho người dùng	Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông	2023-2025	
B	NHIỆM VỤ NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH				
1	Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch; hoàn thiện cơ chế chính sách, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp và	Phòng Quản lý Du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã,	2022 - 2025	

Số TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	cộng đồng phát triển du lịch		thành phố		
2	Ứng dụng công nghệ số trong đẩy mạnh công tác xúc tiến, quảng bá du lịch.	Phòng Quản lý Du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2025	
3	Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chuyên sâu về quản lý du lịch gắn với nội dung ứng dụng công nghệ số, quản lý điểm đến.	Phòng Quản lý Du lịch	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các Doanh nghiệp du lịch, khách sạn	2022 - 2025	
4	Chuyển đổi số trong lĩnh vực Thư viện theo Quyết định 206/QĐ-TTg ngày 11/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình chuyển đổi số ngành Thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Phòng Quản lý Văn hóa	Thư viện tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan	2022 - 2025	
5	Chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý di sản, bảo tàng.	Phòng Quản lý Văn hóa	Bảo tàng tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan	2022 - 2025	
6	Chuyển đổi số trong lĩnh vực thể thao	Phòng Quản lý Thể dục thể thao	Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao và các cơ quan, đơn vị có liên quan	2022 - 2025	